

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang thực hiện dự án Đường dây 500 kV Monsoon - Thạnh Mỹ (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Công văn số 938/TTg-CN ngày 21/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương nhập khẩu điện và phương án đầu nối Cụm nhà máy điện gió Monsoon (Lào);

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 25/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án thủy điện 2 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công văn số 2500/EVNPMB2-BTGPMB ngày 12/7/2022 về việc chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế diện tích rừng trồng chuyển sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường dây 500 kV Monsoon - Thạnh Mỹ (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 174/TTr-SNN&PTNT ngày 25/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang

thực hiện Dự án đường dây 500kV Monsoon - Thạnh Mỹ (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam) tại huyện Nam Giang (hạng mục móng trụ và hạng mục sử dụng tạm), cụ thể:

1. Diện tích: Tổng diện tích trồng rừng thay thế: 2,12 ha.
2. Đơn giá:
 - Đơn giá trồng rừng tính cho 1 ha: 146.775.000 đồng.
 - Tổng dự toán trồng rừng cho 2,12 ha: 311.164.000 đồng, trong đó:
 - + Chi phí trực tiếp: 250.462.000 đồng;
 - + Chi phí gián tiếp: 60.702.000 đồng.

(Có biểu dự toán chi tiết đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh phê duyệt Phương án nộp tiền trồng rừng thay thế, Ban Quản lý dự án Điện 2 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền 311.164.000 đồng (Ba trăm mười một triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để thực hiện việc trồng rừng thay thế.

2. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý nguồn kinh phí đúng quy định, giải ngân kinh phí thực hiện trồng rừng thay thế theo đúng tiến độ thực hiện và quy định hiện hành của nhà nước.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT lựa chọn đơn vị có điều kiện, năng lực tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ trồng rừng thay thế đối với phần diện tích trên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý dự án Điện 2; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tập đoàn Điện lực VN;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2022\Quyết định\08 10 phê duyệt phương án nộp tiền về Quỹ công trình Đường dây 500kv.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

BIỂU DỰ TOÁN CHI PHÍ TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG

(Kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: VN đồng

TT	Hạng mục	Dự toán cho 1 ha	Tổng dự toán cho 2,12 ha
I	Chi phí vật tư	22.392.000	47.472.000
1	Cây giống	19.192.453	40.688.000
2	Phân bón	2.200.000	4.664.000
3	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000.000	2.120.000
II	Chi phí nhân công	84.259.000	178.628.000
1	Năm 1: Trồng rừng	32.383.000	68.653.000
2	Năm 2: Chăm sóc	15.882.000	33.670.000
3	Năm 3: Chăm sóc	13.841.000	29.342.000
4	Năm 4: Chăm sóc	13.957.000	29.588.000
5	Năm 5: Chăm sóc	8.196.000	17.375.000
III	Tổng (I+II)	106.650.943	226.100.000
IV	Chi phí chung: 5%*(III)	5.332.547	11.305.000
V	Thu nhập chịu thuế tính trước: 5,5%*(III+IV)	6.158.962	13.057.000
VI	Chi phí QLDA: 3%	3.544.340	7.514.000
VII	Chi phí tư vấn ĐT XD:	5.325.939	11.292.000
1	Chi phí lập hồ sơ thiết kế: 7,03 công/ha (đã bao gồm thuế GTGT)	1.990.193	4.219.000
2	Chi phí giám sát thi công: 2,598%* (III)	2.909.331	6.169.000
3	Chi phí lập Hồ sơ mời thầu	426.415	904.000
VIII	Chi phí khác	6.794.811	14.405.000
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình	1.206.132	2.557.000
2	Chi phí kiểm toán công trình	2.234.906	4.738.000
+	Chi phí kiểm toán công trình	2.032.075	4.308.000
+	Thuế giá trị gia tăng: 10%	203.208	430.800
3	Nghiệm thu hoàn công	2.235.849	4.740.000
4	Kiểm tra nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước	1.117.925	2.370.000
IX	Chi phí dự phòng: 10%*(III+IV+V)	12.967.453	27.491.000
-	Dự phòng khối lượng	5.907.075	12.523.000
-	Dự phòng giá	7.060.377	14.968.000
Tổng chi phí		146.774.996	311.164.000
Tổng chi phí làm tròn số		146.775.000	311.164.000